

Số: 04 /2011/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thu lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở
và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí, Lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 106/2003/NĐ-CP ngày 23/09/2003 của Chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 06/2004/TT-BTC ngày 04/02/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 106/2003/NĐ-CP ngày 23/9/2003 của Chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/05/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư 106/2010/TT-BTC ngày 26/07/2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội Khoá XIII Kỳ họp thứ 22;

Xét đề nghị của Cục thuế thành phố Hà Nội tại Công văn số 337/CT-THNVDT ngày 10/01/2011 và báo cáo thẩm định số 16/STP-VBPQ ngày 07/01/2011 của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đối tượng nộp lệ phí

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức được uỷ quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu

nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi là Giấy chứng nhận) phải nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận.

Điều 2. Đối tượng miễn thu lệ phí

- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ có hiệu lực thi hành (ngày 10/12/2009) mà có nhu cầu cấp đổi Giấy chứng nhận.

- Miễn lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn.

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu thường trú tại các phường thuộc quận, thị xã được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp Giấy chứng nhận.

Điều 3. Mức thu lệ phí

TT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)		
			Hộ gia đình, cá nhân		Tổ chức
			Các phường thuộc quận, thị xã	Khu vực khác (thị trấn...)	
I	Cấp Giấy chứng nhận mới				
1	Trường hợp cấp GCN chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất)	đồng/giấy	25.000	10.000	100.000
2	Trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/giấy	100.000	50.000	500.000
II	Cấp đổi, cấp lại, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận				
1	Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào GCN chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất)	đồng/lần	20.000	10.000	20.000
2	Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/lần	50.000	25.000	50.000

Điều 4. Đơn vị thu lệ phí

Cơ quan, đơn vị được Nhà nước giao hoặc uỷ quyền thực hiện việc cấp giấy chứng nhận là đơn vị tổ chức thu lệ phí.

Các cơ quan, đơn vị tổ chức thu lệ phí theo phân cấp bao gồm: Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND các quận, huyện, thị xã và các cơ quan, đơn vị khác được giao hoặc ủy quyền

Điều 5. Quản lý, sử dụng tiền lệ phí thu được

Đơn vị thu lệ phí nộp ngân sách nhà nước 90% và được trích để lại 10% trên tổng số lệ phí thu được.

Đơn vị thu lệ phí có trách nhiệm quản lý, kê khai, nộp ngân sách và sử dụng số tiền lệ phí được để lại theo đúng hướng dẫn tại Thông tư 63/2002/TT-BTC ngày 24/07/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/05/2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/TT-BTC ngày 24/7/2002; Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính.

Điều 6. Chứng từ thu lệ phí

Sử dụng biên lai thu lệ phí do cơ quan Thuế phát hành.

Điều 7. Xử lý vi phạm

Các trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo Nghị định số 106/2003/NĐ-CP ngày 23/09/2003 của Chính phủ và Thông tư số 06/2004/TT-BTC ngày 04/02/2004 của Bộ Tài chính.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. Bãi bỏ quy định thu lệ phí đối với việc: Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chứng nhận đăng ký biến động về đất đai, cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xác nhận tính pháp lý của các giấy tờ nhà đất tại Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 09/01/2009 về việc thu lệ phí địa chính trên địa bàn thành phố Hà Nội và quy định về lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở. Các nội dung còn lại của Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 09/01/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội vẫn có hiệu lực thi hành.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính; Tài nguyên và Môi trường; Tư pháp; Kho bạc Nhà nước Hà Nội; Cục Thuế thành phố Hà Nội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã; Các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 9;
- TT Thành ủy, VP Thành ủy;
- Đoàn ĐB Quốc Hội Hà Nội;
- TT HĐND TP; Ban KTNS - HĐND TP;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Các Bộ: Tài chính; Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra văn bản- Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch UBND TP;
- Các Phó Chủ tịch UBND TP;
- Các sở, ban ngành của TP;
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Trung tâm công báo, Công giao tiếp điện tử TP;
- CPVP, các Phòng CV;
- Lưu VT.

(UBND các quận, huyện và cấp tương đương có trách nhiệm sao gửi Quyết định này đến UBND Phường, xã)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Mạnh Hiến